

THỜI ĐIỂM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (Giai đoạn 1)

Địa điểm: xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số 1539/UBND ngày 218/2026 của Chủ tịch UBND xã Đông Sơn)

TT	Họ và tên	Tên hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Cấp nhà, công trình	Số thửa	Tờ bản đồ dự	Chủ hộ kê khai thời điểm xây dựng	UBND xã xác nhận thời điểm xây dựng	Ghi chú
1	Ông Tô Đình Trung	Tại thửa đất số 1356, tờ bản đồ số 4, diện tích: 625m2, loại đất CLN.								
1.1		Bể nước có thành bằng bê tông cốt thép chiều sâu 3m, đường kính 1,1; KT: 3,14*0,55*0,55*3	m3	2,85	BN2	1356	4	2003	2016	
1.2		Ống nhựa PCV, đường kính ống ĐK49mm	md	25,0		1356	4	2003	2016	
1.3		Ống nhựa PCV, đường kính ống ĐK34mm KT: (25 * (1,5*3)	md	112,5		1356	4	2003	2016	
1.4		Ống nhựa PCV, đường kính ống ĐK27mm KT: (20 + 26*4)	md	124,0		1356	4	2003	2016	
1.5		Ống nhựa PCV, đường kính ống ĐK21mm KT: (0,5*20*14) + (0,5* 26*14)	md	322,0		1356	4	2003	2016	
1.6		Khoá nước bằng nhựa PVC, đường kính 27mm.	Cái	15,0		1356	4	2003	2016	
1.7		Tê nhựa PVC, đường kính 34 giảm đường kính 27mm	Cái	15,0		1356	4	2003	2016	
1.8		Tê nhựa PVC, đường kính 27mm. KT (10 + (26 x14)	Cái	374,0		1356	4	2003	2016	

TT	Họ và tên	Tên hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Cấp nhà, công trình	Số thửa	Tờ bản đồ dự	Chủ hộ kê khai thời điểm xây dựng	UBND xã xác nhận thời điểm xây dựng	Ghi chú
1.9		Bét phun nhựa PVC, đường kính 21mm. KT (20 + (26 x 14)	Cái	384,0		1356	4	2003	2016	
1.10		Đầu nắp bít ống nhựa PVC, đường kính 27mm	Cái	15,0		1356	4	2003	2016	
1.11		Tê bằng nhựa PVC, đường kính 49 giảm đường kính 34mm	Cái	3,0		1356	4	2003	2016	
2	Ông Tô Đình Đức	Tại thửa đất số 713, tờ bản đồ số 4, diện tích: 1089m², loại đất HNK.								
2.1		Tường rào cột bê tông cốt thép lắp ghép, tường lắp kẽm gai; KT:(24,0+9,3+4,8+9,0+12,3+16,9+14,1+23,7)*1,6	m ²	182,56	TR8	713	4	2005	2005	
3	Ông Lê Phú Hữu	Tại thửa đất số 1002, tờ bản đồ số 4, diện tích: 653m², loại đất CLN.								
3.1		Tường rào cột ống thép (cọc sắt) tường lắp lưới B40; KT: (42,0+54,0)*1,6	m ²	153,60	TR7	1002	4	2010	2/2014	
4	Ông Huỳnh Văn Đồng	Tại thửa đất số 1667, tờ bản đồ số 4, diện tích: 309 m², loại đất CLN.								
4.1		Tường rào trụ bê tông cốt thép lắp ghép, tường rào kẽm gai; KT: 13,0*1,4	m ²	18,20	TR8	1667	4	2009	01/2014	
5	Ông Huỳnh Văn Đồng	Tại thửa đất số 1421, tờ bản đồ số 4, diện tích: 805 m², loại đất CLN.								
5.1		Tường rào trụ bê tông cốt thép lắp ghép, tường rào kẽm gai; KT: 33,0*1,4	m ²	46,20	TR8	1421	4	2009	01/2014	

TT	Họ và tên	Tên hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Cấp nhà, công trình	Số thửa	Tờ bản đồ dự	Chủ hộ kê khai thời điểm xây dựng	UBND xã xác nhận thời điểm xây dựng	Ghi chú
6	Ông Đinh Viết Cường	Tại thửa đất số 776, tờ bản đồ số 4, diện tích: 554 m2, loại đất HNK.								
6.1		Nhà khung gỗ, móng đá (hoặc gạch), tường xây gạch (hoặc đá ong), mái tôn (hoặc ngói), tường trát vữa xi măng không quét vôi, nền lán xi măng. KT : 3,5*5	m2	17,5	NK2	776	4	2003	2015	
6.2		Mái hiên: Trụ bê tông, mái lợp tôn, nền lát gạch. KT: 1,5 *3,5	m2	5,25	MH	776	4	2003	2015	
6.3		Giếng buy tông có cốt thép đường kính < 1,2m chiều sâu 15m.	md	15,00	D.VII.9-4	776	4	2003	2015	
6.4		Ống nhựa PVC đường kính 49mm.	md	50,0		776	4	2003	2015	
6.5		Ống nhựa PVC đường kính 34mm.	md	80,0		776	4	2003	2015	
6.6		Ống nhựa PVC đường kính 27mm.	md	36,0		776	4	2003	2015	
6.7		Bét phun nước bằng nhựa PVC, đường kính 27mm.	Cái	24,0		776	4	2003	2015	
6.8		Co bằng nhựa PVC, đường kính 27mm.	Cái	8,0		776	4	2003	2015	
6.9		Khoá nước bằng nhựa PVC, đường kính 34mm.	Cái	8,0		776	4	2003	2015	
6.10		Tê bằng nhựa PVC, đường kính 49 giảm 34mm.	Cái	8,0		776	4	2003	2015	
7	Bà Phạm Thị Nga	Tại thửa đất số 1029, tờ bản đồ số 4, diện tích: 146 m2, loại đất NTS.								
7.1		Ao đào, đắp hoàn thiện; KT: 19,2*5,8*1,3	m3	144,768	D.IX	1029	4	1991	2010	

TT	Họ và tên	Tên hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Cấp nhà, công trình	Số thửa	Tờ bản đồ dự	Chủ hộ kê khai thời điểm xây dựng	UBND xã xác nhận thời điểm xây dựng	Ghi chú
8	Ông Huỳnh Hữu Tài	Tại thửa đất số 937, tờ bản đồ số 4; diện tích: 987m2, loại đất HNK.								
8.1		Ống nhựa PCV, đường kính ống ĐK34mm	md	30,0		937	4	2003	2016	
8.2		Ống nhựa PCV, đường kính ống ĐK27mm KT: (27 x 5)	md	135,0		937	4	2003	2016	
8.3		Ống nhựa PCV, đường kính ống ĐK27mm KT: (27 x 5 x 0.5)	md	42,5		937	4	2003	2016	
8.4		Khoá nước bằng nhựa PVC, đường kính 27mm.	Cái	5,0		937	4	2003	2016	
8.5		Tê nhựa PVC, đường kính 27mm. KT: (5 x 5)	Cái	25,0		937	4	2003	2016	
8.6		Tê nhựa PVC, đường kính 34 giảm đường kính 27	Cái	5,0		937	4	2003	2016	
8.7		Bét phun bằng nhựa PVC, đường kính 27mm KT:(5x 5)	Cái	25,0		937	4	2003	2016	
8.8		Đầu nắp bịt bằng nhựa PVC, đường kính 34mm	Cái	1,0		937	4	2003	2016	
8.9		Đầu nắp bịt bằng nhựa PVC, đường kính 27mm	Cái	5,0		937	4	2003	2016	
9	Ông Tô Đình Khánh	Tại thửa đất số 1355, tờ bản đồ số 4; diện tích: 240m2, loại đất HNK.				1355	4			
9.1		Ống nước nhựa PVC, đường kính 49mm	md	8,0		1355	4	2003	2016	
9.2		Ống nước nhựa PVC, đường kính 34mm	md	16,0		1355	4	2003	2016	

TT	Họ và tên	Tên hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Cấp nhà, công trình	Số thửa	Tờ bản đồ dự	Chủ hộ kê khai thời điểm xây dựng	UBND xã xác nhận thời điểm xây dựng	Ghi chú
9.3		Ống nước nhựa PVC, đường kính 27mm KT: (23 x 8)	md	184,0		1355	4	2003	2016	
9.4		Ống nước nhựa PVC, đường kính 21mm KT: (0,5x 23 x8)	md	92,0		1355	4	2003	2016	
9.5		Tê bằng nhựa PVC, đường kính 27 giảm đường kính 21mm. KT: (23 x 8)	md	184,0		1355	4	2003	2016	
9.6		Khoá nước bằng nhựa PVC, đường kính 27mm.	md	8,0		1355	4	2003	2016	
9.7		Bét phun nước bằng nhựa PVC, đường kính 21mm. KT (23 x 8)	md	184,0		1355	4	2003	2016	
10	Ông Bùi Văn Hoàng	Tại thửa đất số 1261, tờ bản đồ số 4; diện tích: 683m2, loại đất HNK.								
14.1		Ống nhựa PVC đường kính 34mm.	md	6,0		1621	4	2003	2015	
14.2		Ống nhựa PVC đường kính 27mm. KT: (16x2) + (27x2) + (2,5 x 6)	md	101,0		1621	4	2003	2015	
14.3		Ống nhựa PVC đường kính 27mm. KT: (1,7 x5) x2 + (1,7 x23)	md	56,1		1621	4	2003	2015	
14.4		Tê bằng nhựa PVC, đường kính 27mm.	Cái	29,0		1621	4	2003	2015	
14.5		Khoá nước bằng nhựa PVC, đường kính 27mm.	Cái	3,0		1621	4	2003	2015	